

## THẬP CAM LỘ ĐÀ LA NI

**Thập Cam Lộ Đà La Ni** chỉ Chân Ngôn của **A Di Đà Như Lai** (Amitābha-tathāgata: **Vô Lượng Quang Như Lai**, hay Amitāyus-tathāgata: **Vô Lượng Thọ Như Lai**). Lại gọi là Thập Cam Lộ Chân Ngôn, A Di Đà Đại Chú, Bát Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sinh Tịnh Độ Đà La Ni, Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Đà La Ni, A Di Đà Đại Đà La Ni, A Di Đà Đại Thân Chú. Do trong Chú có mười câu **A mật-lật-đa** (Amṛta) được dịch nghĩa là **Cam Lộ** nên lại xưng là **Thập Cam Lộ Minh**

Đà La Ni này biểu thị cho Công Đức **Nội Chứng** của Đức **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata) hay giúp cho người trì tụng: đời này được an ổn, tiêu diệt các tội chướng; sau khi chết được sinh về Thế Giới **Cực Lạc** (Sukha-vatī)



Bản Vô Lượng Thọ Như Lai Quán Hạnh Nghi Quỹ (do Ngài **Bất Không** dịch) ghi nhận là:

“Tiếp theo, kết **Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Án**: Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành Quyền, dựng thẳng hai ngón giữa cùng trụ đầu nhau, như hình cánh hoa sen.



Kết thành Ấn xong, tụng Vô Lượng Thọ Như Lai Đà La Ni bảy biến, để Ấn ở trên đỉnh đầu rồi bung tán.

**Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Đà La Ni** là:

“**N**ăng mô la **đ**át-**n**ăng **đ**át-la **d**ạ **d**ã (1) **N**ăng mạc a lý-**d**ã nhĩ **đ**á bà gia (2) **đ**át tha **n**ghiệt **đ**á **d**ạ, la hạ **đ**ế, tam miệu tam một **đ**à gia (3) **Đ**át **n**ễ-**d**ã tha (4) **Á**n, a **m**ật-**l**ật **đ**ế (5) A **m**ật-**l**ật **đ**ố **n**ạp-**b**à **p**hệ (6) A **m**ật-**l**ật **đ**a tam bà **p**hệ (7) A **m**ật-**l**ật **đ**a **n**ghiệt **b**ệ (8) A **m**ật-**l**ật **đ**a **t**át **đ**ệ (9) A **m**ật-**l**ật **đ**a **đ**ế **t**ế (10) A **m**ật-**l**ật **đ**a **v**ĩ **c**ật-**l**ân **đ**ế (11) A **m**ật-**l**ật **đ**a **v**ĩ **c**ật-**l**ân **đ**a, nga nhĩ **n**inh (12) A **m**ật-**l**ật **đ**a, nga nga **n**ăng, cát **đ**ể ca lệ (13) A **m**ật-**l**ật **đ**a **th**ú **n**ỗ **t**ỳ, sa **p**hộc lệ (14) **t**át **p**hộc **l**a-**t**ha, sa **đ**a **n**inh (15) **t**át **p**hộc **y**ết ma **c**ật-**l**ễ **x**ả, **kh**ất-**s**ái **d**ựng, ca lệ, sa-**p**hộc **h**ạ”

ॐ नमो रत्नत्रयै  
ॐ नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै  
ॐ नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै  
ॐ नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै  
ॐ नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै नमो रत्नत्रयै

\*) NAMO RATNA-TRAYĀYA

NAMAḤ ĀRYA-AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA

TADYATHĀ: OM AMṚTE AMṚTODBHAVE AMṚTA SAMBHAVE  
AMṚTA-GARBHE AMṚTA SIDDHE AMṚTA TEJE AMṚTA VIKRĀNTE  
AMṚTA VIKRĀNTA GAMINE AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE  
AMṚTA DUṆḌUBHISVARE SARVĀRTHA SĀDHANE KARMA KLEŚA  
KṢĀYAM KARE SVĀHĀ

**Vô Lượng Thọ Như Lai Đà La Ni** này, vừa mới tụng một biến, liền diệt tội *mười ác, bốn Trọng, năm Vô Gian* trong thân. Tất cả nghiệp chướng thấy đều tiêu diệt.

Nếu **Bạt Sô** (Bhikṣu), **Bạt Sô Ni** (Bhikṣuni) phạm vào tội căn bản, tụng bảy biến xong, tức thời trở lại được Giới Phẩm thanh tịnh.

Tụng mãn một vạn biến đắc được **Bất Phế Vong Bồ Đề Tâm Tam Ma Địa**. Tâm Bồ Đề hiển hiện trong thân, sáng tròn trịa trắng tinh giống như mặt trăng trong sạch. Lúc mệnh chung thời nhìn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai cùng với vô lượng câu chi chúng Bồ Tát vây quanh, đi đến nghinh đón Hành Giả, an ủi Thân Tâm, liền sinh về Thế Giới Cực Lạc, **Thượng Phẩm Thượng Sinh**, chứng địa vị của Bồ Tát”.

“**Tịnh độ Thập yếu** thứ tám, **Bảo vương Tam Muội Niệm Phật Trục Chỉ, quyền hạ**” ghi nhận là: “Trong kẻ ấy nếu có Nghiệp đời trước khiến cho Nguyên Hành có thiếu sót thì thường nên một lòng tụng **Bạt Nhất Thiết Khinh Trọng Nghiệp Chướng Đắc Sinh Tịnh Độ Đà La Ni** này. Nếu trì một biến liền diệt hết thấy tất cả nhóm tội năm nghịch, mười ác trong thân. Nếu trì mười vạn biến liền được Tam Bồ Đề chẳng bỏ quên. Nếu trì hai vạn biến liền cảm được mầm Bồ Đề sinh. Nếu trì ba vạn biến thì Đức Phật A Di Đà thường trụ trên đỉnh đầu người ấy, quyết định sinh về Tịnh Thổ”

.)Ý nghĩa căn bản của Thập Cam Lộ Đà La Ni là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA (Quy mệnh Tam Bảo)  
NAMAḤ (Kính lễ) ĀRYA (Thánh) AMITĀBHĀYA (Vô Lượng Quang)  
TATHĀGATĀYA (Như Lai) ARHATE (Ứng Cúng, Sát Tặc, Vô Sinh, A La Hán)  
SAMYAKSAMBUDDHĀYA (Chính Đẳng Chính Giác)  
TADYATHĀ (Như vậy, liền nói Chú là)

OM (Cảnh giác)  
 AMṚTE (Cam lộ)  
 AMṚTA (Cam Lộ) UDBHAVE (Hiện lên)  
 AMṚTA (Cam Lộ) SAMBHAVE (Phát sinh)  
 AMṚTA (Cam Lộ) GARBHE (Tặng, kho tàng)  
 AMṚTA (Cam Lộ) SIDDHE (Thành tựu)  
 AMṚTA (Cam Lộ) TEJE (Uy quang, uy đức)  
 AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTE (Dũng mãnh)  
 AMṚTA (Cam Lộ) VIKRĀNTA (Dũng mãnh) GAMINE (Đạt đến được)  
 AMṚTA (Cam Lộ) GAGANA (Hư Không) KĪRTTI (Tương xứng) KARE (Tác  
 làm, tạo tác)  
 AMṚTA (Cam Lộ) DUNḌUBHI (Cổ, cái trống) SVARE (Âm Thanh)  
 SARVĀRTHA (Tất cả nghĩa lợi) SĀDHANE (Nghỉ thức thành tựu)  
 SARVA KARMA (Tất cả nghiệp) KLEŚA (Phiền não) KṢAYAM (cùng tận,  
 không còn sót) KARE (Tạo tác)  
 SVĀHĀ (Quyết định thành tựu, thọ hưởng mùi vị an lạc của Đại Niết Bàn)

Toàn bài Đà La Ni trên có thể diễn dịch là :

**“ Quy mệnh Tam Bảo**

**Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng Chính Đẳng Chính Giác  
 Như vậy: Hồi Cam Lộ! Hiện lên Cam Lộ. Phát Sinh Cam Lộ. Kho Tàng Cam  
 Lộ. Thành tựu Cam Lộ. Cam Lộ Uy Quang. Cam Lộ Dũng mãnh, đạt đến Cam Lộ  
 Dũng Mãnh. Rãi đầy hư không Cam Lộ. Âm thanh của tiếng trống Cam Lộ, thành  
 tựu tất cả nghĩa lợi khiến cho tất cả nghiệp không còn phiền não, thọ hưởng mùi vị  
 an lạc của Đại Niết Bàn”**

)Hệ phái Đông Mật của Nhật Bản ghi nhận ý nghĩa của Đà La Ni này là:

NAMO RATNA-TRAYĀYA: Quy y Tam Bảo  
 NAMAḤ ĀRYA AMITĀBHĀYA TATHĀGATĀYA ARHATE  
 SAMYAKSAMBUDDHĀYA: Kính lễ Thánh Vô Lượng Quang Như Lai Ứng Cúng  
 Chính Đẳng Chính Giác  
 TADYATHĀ: Như vậy  
 OM: Con xin kính lễ  
 AMṚTE: Cam Lộ Tôn  
 AMṚTODBHAVE: Cam Lộ Sở Sinh Tôn  
 AMṚTA-SAMBHAVE: Cam Lộ Phát Sinh Tôn  
 AMṚTA-GARBHE: Cam Lộ Thai Tặng Tôn  
 AMṚTA-SIDDHE: Cam Lộ Thành Tựu Tôn  
 AMṚTA-TEJE: Cam Lộ Uy Quang Tôn  
 AMṚTA-VIKRĀNTE: Cam Lộ Thần Biến Tôn  
 AMṚTA-VIKRĀNTA-GAMINE: Cam Lộ Đẳng Dục Tôn  
 AMṚTA-GAGANA-KĪRTTI-KARE: Cam Lộ Quảng Thiệt Tôn  
 AMṚTA-DUNḌUBHI-SVARE: Cam Lộ Hảo Âm Tôn  
 SARVĀRTHA-SĀDHANE: Nhất Thiết Thành Tựu Nghĩa Lợi Tôn  
 SARVA-KARMA-KLEŚA-KṢAYAM-KARE: Nhất Thiết Nghiệp Chương  
 Tiêu Trừ Tôn  
 SVĀHĀ: Được thành tựu

**Thập Cam Lộ Đà La Ni** này còn biểu thị cho cõi **Vô Lượng Thọ** có **Cửu Phẩm Tịnh Thứ Tam Ma Địa**. Đây tức là cảnh giới của chư Phật, nơi cư ngụ của Như Lai. Chư Phật ba đời đều y theo đây mà thành Chính Giác, đầy đủ ba Minh, tăng trưởng Phước Tuệ.

**I\_ THƯỢNG PHẨM:**

Thượng Phẩm Thượng Sinh **Chân Sắc Địa** dành cho những Tín Đồ đã hoàn thành 03 thái độ: Thành Thật, tin tưởng thâm sâu, giữ niệm bền chắc... được tái sinh vào Tịnh Thổ, ngồi trên tòa Kim Cương. Tùy theo sự tương ứng với mức độ hoàn thành nên có 03 bậc. Thủ Ấn của Phật A Di Đà khi tiếp dẫn là: ngón cái đặt trên ngón trỏ

**1\_ Thượng Sinh:** Phát tâm chí thành, tin sâu, hồi hướng phát nguyện

Có 3 hạng Hữu Tình:

\_ Có lòng thương xót, không giết hại, giữ tròn các Giới Hạnh

\_ Đọc tụng Kinh Phương Đẳng Đại Thừa

\_ Tu hành 06 Niệm, hồi hướng phát nguyện sinh về Cực Lạc

Tinh tiến dũng mãnh tu từ 01 ngày cho đến 07 ngày, liền được vãng sinh



Thủ Ấn: Ngón cái và ngón trỏ của mỗi bàn tay nắm lại, cả hai tay để bên mé mắt hướng ra ngoài

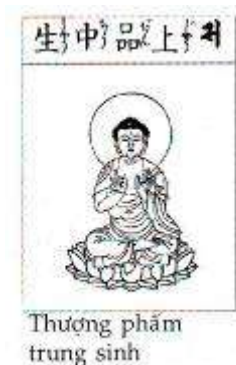
Chân Ngôn là:

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM \_ AMṚTODHAVE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

**2\_ Trung Sinh:**

Thượng Phẩm Trung Sinh **Vô Cấu Địa**. Chúng sinh tuy thọ trì Kinh Phương Đẳng nhưng khéo hiển nghĩa thú, đối với Đệ Nhất Nghĩa, tâm không kinh động, tin sâu lý nhân quả, không phi báng Pháp Đại Thừa. Hành Giả đem Công Đức này, niệm Phật hồi hướng cầu sinh về **Cực Lạc** (Sukhavatī)



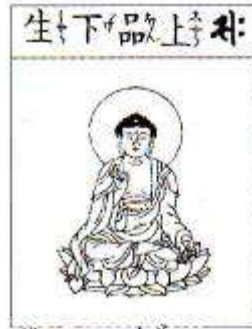
Thủ Ấn là: Hai ngón cái nắm hai ngón giữa ở đầu ngón  
Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृगंरुव दमृः षरु

OM \_ AMṚTA-SAMBHAVE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

### 3\_ Hạ Sinh:

Thượng Phẩm Hạ Sinh **Ly Cấu Địa**. Tuy tin Nhân Quả, không phi báng Đại Thừa nhưng chỉ phát tâm cầu Đạo Vô Thượng rồi đem Công Đức đó niệm Phật, nguyện về Cực Lạc



Thượng phẩm  
hạ sinh

Thủ Ấn: 2 ngón cái đè trên 2 ngón vô danh

Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृगंरुव दमृः षरु

OM \_ AMṚTA-GARBHE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

## II\_ TRUNG PHẨM:

Dành cho những Tín Đồ đã đi theo những con đường khác hơn là sự sùng mộ duy nhất đối với Phật A Di Đà, tuy vậy vẫn cảm thấy muốn được tái sinh vào Tịnh Thổ. Tùy theo trình độ thuần khiến, những người này sẽ ngồi trên các tòa sen với 03 độ nở khác nhau theo 03 cấp bậc. Thủ Ấn của Phật A Di Đà khi tiếp dẫn là: ngón cái đặt trên ngón giữa

### 1\_ Thượng Sinh:

Trung Phẩm Thượng Sinh **Thiện Giác Địa** Thọ 05 Giới, giữ 08 Quan Trai hoặc tu các Giới khác, không tạo tội 05 Nghịch và các điều lỗi lầm rồi đem căn lành ấy hồi hướng cầu sinh về Cực Lạc



Trung phẩm  
thượng sinh

Thủ Ấn là: Hai ngón cái nắm hai đầu ngón trỏ để trước ngực, ngửa bàn tay trái, bàn tay phải úp lên cách 02 tấc

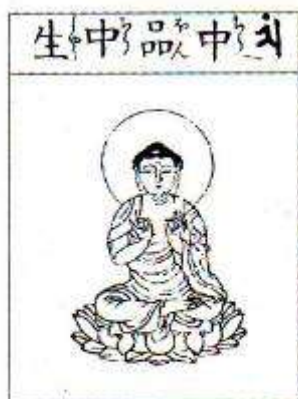
Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृगमृहृ ढमृ ऋः ऋहृ

OM \_ AMṚTA-SIDDHE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

## 2\_ Trung Sinh:

Trung Phẩm Trung Sinh **Minh Lực Địa**. Chính chấn giữ 08 Quan Trai hoặc Giới Sa Di hay Giới Cự Túc, Trong một ngày đêm, các uy nghi đều toàn vẹn. Đem Công Đức huân tu Giới Hương đó hồi hướng, cầu sinh về Cực Lạc



Trung phẩm  
trung sinh

Thủ Ấn là: Ấn như trên nhưng để ở vú

Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृगमृहृ ढमृ ऋः ऋहृ

OM \_ AMṚTA-TEJE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

## 3\_ Hạ Sinh:

Trung Phẩm Hạ Sinh **Vô Lậu Địa**. Hiếu dưỡng cha mẹ, tu hành nhân từ theo Thế Gian. Khi lâm chung được Thiện Tri Thức giảng cho nghe sự vui nơi cõi Phật A Di Đà và 48 Đại Nguyện của Tỳ Khưu Pháp Tạng. Nghe xong vui vẻ niệm Phật mà qua đời thì Thần Thức sinh về Cực Lạc



Trung phẩm  
hạ sinh

Thủ Ấn là: Giống Ấn như trên nhưng để trước ngực



Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृग वरुणं धर्मं श्रीं वरुणं

OM \_ AMṚTA-VIKRĀNTE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

### III\_ HẠ PHẨM:

Dành cho tất cả mọi người khác, ngay cả những kẻ đã phạm tội nặng. Nhưng tuy vậy đã được Phật hóa độ cho về Tình Thổ cho dù nếu chỉ một lần tụng niệm Danh Hiệu Phật A Di Đà vào lúc lâm chung. Thủ Ấn của Phật A Di Đà khi tiếp dẫn là: ngón cái đặt trên ngón vô danh

#### 1\_ Thượng Sinh:

Hạ Phẩm Thượng Sinh **Chân Giác Địa**. Chúng sinh ngu tối, tuy không phỉ báng Kinh Đại Phương Đẳng nhưng tạo nhiều Nghiệp ác không biết hổ thẹn. Khi lâm chung gặp Thiện Tri Thức nói cho nghe Danh Đê của 12 loại Kinh Đại Thừa, liền trừ diệt nghiệp ác rất nặng trong một ngàn kiếp. Bậc Thiện Tri Thức lại bảo phải chấp tay niệm “**Namo Amitābha buddha**” Do nhân **thành tâm xưng danh hiệu Phật** nên tiêu trừ tội trong 50 ức kiếp sinh tử, Thần Thức theo vị Hóa Phật sinh về Cực Lạc



Hạ phẩm  
thượng sinh

Thủ Ấn là: Hai cổ tay để chéo nhau, tay phải xoay vào trong, tay trái xoay ra ngoài, hai tay đều để ngón cái trên ngón trỏ, để lên trái tim

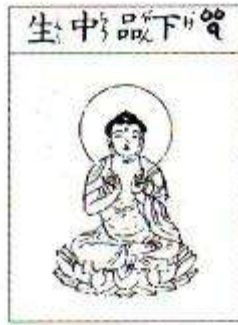
Chân Ngôn là:

ॐ ऋमृग वरुणं गमिणं धर्मं श्रीं वरुणं

OM \_ AMṚTA-VIKRĀNTE GAMINE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

#### 2\_ Trung Sinh:

Hạ Phẩm Trung Sinh **Hiền Giác Địa**. Chúng sinh ngu tối hủy phạm: 05 Giới, 08 Giới, Cụ Túc Giới, ăn trộm của Tăng Kỳ và vật của Hiền Tiên Tăng, bất tịnh nói Pháp, lòng không hổ thẹn, dùng các Nghiệp ác để tự trang nghiêm nên bị tội đọa Địa Ngục. Khi lâm chung may gặp Thiện Tri Thức nói cho nghe về Uy Đức của 10 Lực, sức thần thông quang minh của Phật A Di Đà với những phương pháp: Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Nghe xong, lòng tín trọng, niệm trừ diệt tội trong 80 ức kiếp sinh tử khiến cho lửa dữ Địa Ngục hóa thành gió mát thổi các hoa lên Trời, trên hoa có Hóa Phật và Hóa Bồ Tát tiếp dẫn về Cực Lạc



Hạ phẩm  
trung sinh

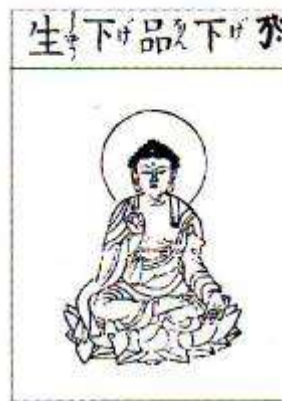
Thủ Ấn là: Giống như Ấn trên, chỉ đem ngón cái nắm ngón giữa  
Chân Ngôn là:

ॐ ऽमृता गगना किरति करे धर्मा ह्रीं स्वहा

OM \_AMṚTA GAGANA KĪRTTI KARE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

### 3\_ Hạ Sinh:

Hạ Phẩm Hạ Sinh Lạc (vui vẻ) Môn Địa. Chúng sinh tạo tội: 05 Nghịch , 10 Ac, làm các việc chẳng lành đáng bị đọa vào Địa Ngục. Khi lâm chung, gặp Thiện Tri Thức dùng nhiều phương cách an ủi, nói Pháp mầu nhiệm lại dạy bảo tưởng niệm Phật. Nghe xong, vì khổ áp bức nên không thể quán tưởng. Khi đó Thiện Tri Thức lại dạy chí thành xưng “**Nam mô A Di Đà Phật**” (NAMO AMITA BUDDHA) liên tiếp trong 10 niệm, nhờ nhất niệm trừ tội trong 80 ức kiếp sinh tử cho nên khi chết, thấy hoa sen vàng rực hiện ra trước mắt, liền nhất niệm sinh về Cực Lạc.



Hạ phẩm hạ sinh

Thủ Ấn là: Giống như Ấn trên, chỉ đem ngón cái vịn ngón vô danh  
Chân Ngôn là:

ॐ ऽमृता दुन्दुभिसवरे धर्मा ह्रीं स्वहा

OM \_AMṚTA-DUNḌUBHISVARE DHARMA HRĪḤ SVĀHĀ

Chân Ngôn dùng chung cho cả 09 Ấn của chín phẩm trên là:

ॐ ऽमृता स्वहा

OM \_AMṚTA SVĀHĀ